

Số: 1621/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 17 tháng 8 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và Văn bản số 3101/XB-ĐV ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Xeo Bé về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 0407/XB-ĐV ngày 04 tháng 07 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5019.TTr-STNMT ngày 17 tháng 7 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Xeo Bé địa chỉ tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì, quy mô 80 tấn củ mì/ngày tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

- 1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì
- 1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, với mã số doanh nghiệp: 3900329025, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/1/2019 (được chuyển đổi từ DNTN Xeo Bé).
- 1.4. Mã số thuế: 3900329025
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến tinh bột khoai mì.
- 1.6. Địa điểm hoạt động: ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- 1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích đất: 29.660 m<sup>2</sup>.
- Quy mô, công suất: 80 tấn củ/ngày tương đương 8.800 tấn sản phẩm/năm (thời gian hoạt động 220 ngày/năm).
- Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH MTV Xeo Bé được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Xeo Bé có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 3252/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Tây Ninh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung cấp phép và các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

*Nơi nhận:*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Tây Ninh;
- UBND xã Bình Minh;
- Đăng tải trang thông tin điện tử
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1621./GPMT-UBND  
 ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, lưu lượng 2,56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn ly tâm tách bã, lưu lượng 73,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn ly tâm tách mù, lưu lượng 66 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn lắng bột, lưu lượng 58 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa củ, lưu lượng 216 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 06: Nước thải vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị, lưu lượng 2,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 07: Nước thải xả cặn lò hơi, lưu lượng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

Dòng nước thải sau xử lý từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06 và 07 đạt quy chuẩn quy định QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A với hệ số K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1 xả vào nguồn nước tiếp nhận.

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, sau đó theo đường ống cống ngầm Ø = 200 mm (đặt cách mặt đất khoảng 0,5 m, dài 50 m) chảy ra suối Cầu Gió (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông) tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**2.3. Vị trí xả thải:**

- Trong phạm vi khu đất của Công ty TNHH MTV Xeo Bé tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Toạ độ vị trí xả nước thải theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°	
	X	Y
Điểm đầu vào	1257 245	564 898
Điểm đầu ra	1257 265	565 028
Điểm xả thải	1257 188	565 033

- Điểm xả nước thải: tại hố gas trong khuôn viên Nhà máy, miệng cửa xả nước thải có  $\varnothing = 200\text{mm}$  chảy ra suối Cầu Gió thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông, ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là  $01\text{ m}^2$  và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $418,56\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  tương đương  $17,44\text{ m}^3/\text{giờ}$

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy


2.4.2. Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 63:2017/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A với hệ số  $Kq=0,9$ ,  $Kf=1$ , cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>QCVN 63:2017/BTNMT, cột A hệ số <math>Kq=0,9</math>, <math>Kf=1</math></b>					
1	pH	-	6-9	03 tháng/lần	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	TSS	mg/l	45		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27		
4	COD	mg/l	90		
5	Tổng Nitơ	mg/l	45		
6	Tổng Xianua	mg/l	0,063		
7	Tổng Phốtpho	mg/l	9		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải: 

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 2,56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về bể tự hoại thể tích 30 m<sup>3</sup>; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng tuyến ống PVC Ø = 114 mm dài 90 m để xử lý.

- Nước thải sản xuất với lưu lượng 418,56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ các công đoạn rửa, làm sạch củ mì và nước thải phát sinh từ nhà xưởng sản xuất (công đoạn ly tâm, vệ sinh nhà xưởng) thu gom vào mương bê tông kích thước W x H = 0,5 x 0,2 m dài khoảng 30 m về hệ thống xử lý tập trung.

+ Nước thải từ công đoạn lắng bột theo mương bê tông có kích thước W x H = 0,5 x 0,2 m dài khoảng 20 m dẫn vào hồ chứa mù. Nước thải từ hồ chứa mù được đưa về hệ thống xử lý tập trung bằng đường ống PVC Ø = 114 mm.

- Toàn bộ lượng nước thải của Nhà máy (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1 theo đường ống ngầm PVC Ø = 200 mm (đặt cách mặt đất khoảng 0,5 m, dài 50 m) chảy ra suối Cầu Gió (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông) tại ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: nước thải → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có quy trình công nghệ như sau: Nước thải → mương lắng cát → bể trung gian (02 bể) → bể phân hủy kỵ khí (02 bể) → bể điều hòa (01 bể) → bể anoxic (01 bể) → bể aerotank (01 bể) → bể lắng 1 (01 bể) → bể trung gian 2 (01 bể) → bể keo tụ tạo bông (01 bể) → bể lắng 2 (01 bể) → bể khử trùng (01 bể) → nguồn tiếp nhận

- Công suất thiết kế: 600 m<sup>3</sup>/ngày. đêm

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), COD, TSS, pH, nhiệt độ, Amonium.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: tự động lấy mẫu bằng điều khiển từ xa.

- Camera theo dõi: lắp đặt camera giám sát hệ thống xử lý nước thải.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu quan trắc được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

- Thực hiện yêu cầu kỹ thuật của thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đúng theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thời gian lắp đặt: chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, dẫn đến nước thải sau bể khử trùng không đạt cột A, QCVN 63:2017 BTNMT hệ số  $Kq=0,9$ ;  $Kf=1$ , Nhà máy sẽ ngưng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố hạn chế ảnh hưởng đến môi trường nước tại khu vực.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: sử dụng bể điều hòa kết hợp hồ sự cố thể tích  $5.250 m^3$

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể điều hòa kết hợp hồ sự cố	- Kích thước: $L \times W \times H = 70 \times 15 \times 5,0$ m - Vật liệu: HDPE - Thể tích: $V = 5.250 m^3$ - Thời gian lưu nước: $t = 210$ giờ	01 hồ

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường

xuân, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh. Trang thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Cải tạo nâng cấp công trình xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A với hệ số  $Kq=0,9$ ,  $Kf=1$ .

3.6. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý.

3.7. Công ty có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin môi trường của Nhà máy theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Trang trại. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

- Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trang trại hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Trang trại. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.



## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1621/GPMT-UBND*

*ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò sấy bã mì (sử dụng nhiên liệu khí biogas)

**2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:**

2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:

- Dòng thải số 01: Tại ống xả của lò sấy bã mì. Tọa độ X = 1257 261, Y = 564 823

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°03', múi chiều 3°)*

2.2. Lưu lượng xả khí thải, bụi lớn nhất:

- Dòng thải số 01: lưu lượng xả bụi lớn nhất 10.000 m<sup>3</sup>/giờ;

*(Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).*

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải:

Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Nhà máy sử dụng nhiên liệu là khí biogas nên không thực hiện quan trắc định kỳ

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Lắp đặt đường ống thoát ra sau quạt hút tại hệ thống sấy bã mì.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Khí thải từ lò sấy (sử dụng nhiên liệu khí biogas): Biogas được quy ước là nhiên liệu sạch nên khi sử dụng làm nhiên liệu đốt sẽ được phép xả trực tiếp ra ngoài môi trường thông qua ống khói mà không phải qua hệ thống xử lý khí thải. Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: *g*

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.
- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong tiếp tục vận hành lò sấy để phục vụ sản xuất.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1621/GPMT-UBND  
ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy móc sản xuất
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực sấy bã mì
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: X = 1257 275; Y = 564 843
- Nguồn số 02: X = 1257 264; Y = 564 826
- Nguồn số 03: X = 1257 269; Y = 564 998

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°)*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**3.2. Độ rung:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định

kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1621/GPMT-UBND  
ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp chứa mực in thải <sup>(KS)</sup>	Rắn	03	08 2 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	60	16 01 06
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	50	17 02 04
4	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại <sup>(KS)</sup>	Rắn	15	18 01 01
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01
<b>Tổng</b>			<b>180</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vỏ lụa, đầu củ mì	14 03 03	140.000
2	Xơ, bã khoai mì	14 03 03	1.800.000
3	Mủ mì	14 03 03	700.000
4	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	18 01 11	500
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp <sup>(KS)</sup>	12 06 05	19.710
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>2.660.210</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4.160
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>4.160</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có mái che và trần kín toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có cửa đóng, tường bao quanh khép kín tránh gió, nắng, mưa trực tiếp vào bên trong; mặt sàn tráng xi măng kín khít, không bị thấm thấu và không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Các thùng lưu chứa chất thải nguy hại được đặt thẳng đứng trên sàn theo từng loại riêng biệt, dán nhãn và mã số chất thải nguy hại lên thùng chứa, sắp xếp gọn gàng theo từng nhóm chất thải nguy hại. Kho lưu giữ chất thải nguy hại trang bị biển cảnh báo phía trước cửa kho, bên trong kho mỗi loại chất thải đều có bảng tên.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Đối với đầu củ mì, vỏ củ mì (vỏ lựu), mù mì: 200 m<sup>2</sup>

- Đối với bã mì: 900 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái che tôn, sàn đúc bê tông cốt thép, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy dung tích từ 50 – 60 lít

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có tại các khu vực có phát sinh.

### 2.3.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất**

Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1621./GPMT - UBND  
ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Nhà máy đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 63:2017/BTNMT, cột A ( $Kq=0,9$ ,  $Kf=1$ ). Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.
3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Nhà máy sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Nhà máy theo đúng quy định.
6. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.



7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Nhà máy theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

13. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *l.g*